PROMOTING ADAPTIVE COLLABORATIVE MANAGEMENT APPROACH (ACMA) THROUGH STRENGTHENING CAPACITY AND PARTICIPATION OF VIETNAMESE CSOS AND LOCAL COMMUNITIES IN REDD+ PROCESS IN VIETNAM

CỘNG ĐỒNG HỢP TÁC QUẢN LÝ RỪNG (ACMA) TRONG CHƯƠNG TRÌNH REDD+ BẮC TRUNG BỘ

&

Ý NGHĨA CHO GIÁM SÁT QUẢN TRỊ RỪNG CỦA TCXH

NGUYỄN VIỆT DŨNG
TRUNG TÂM CON NGƯỜI VÀ THIÊN NHIÊN, 2018

CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH REDD+

Ethnic Group	Province						Total
	Thanh Hoa	Nghe An	Ha Tinh	Quang Binh	Quang Tri	TT Hue	
Thai	225,336	295,132	500	0	0	0	520,968
Muong	341,359		549				341,908
Bru-Van Kieu				14,631	55,079	720	70,430
Tho	9,652	59,579				0	69,231
Hmong	14,799	28,992				0	43,791
Ta Oi					13,961[a]	33,385[b]	0
Kho Mu	781	35,670				0	36,451
Co Tu						13,812	13,812
Dao	5,465					0	5,465
Chut				5,095		0	5,095
Tay	795					0	795
Lao			433			0	433
O'Du		340				0	340
Other						651[c]	0
Total EM Population	598,187	419,713	1,482	19,726	55,079	14,532	1,108,719
Total Population	3,400,595	2,912,041	1,227,038	844,893	598,324	1,115,523	10,098,414
% EM to Total Population by Province	17.6	14.4	0.1	2.3	9.2	1.3	11.0

- 13 DTTS, gần 1,2 triệu người hay 11,5% tổng dân số khu vực (10,29 triệu năm 2013)
- Thái (45%) Mường (29%) Bru-Vân Kiều (6%) Thổ (6%) H'mong (4%) Tà Ôi (4%) Khơ-mú (3%), Cơ-Tu,…
- Thanh Hóa, Nghệ An: tập trung dân số DTTS (88%)

CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH REDD+

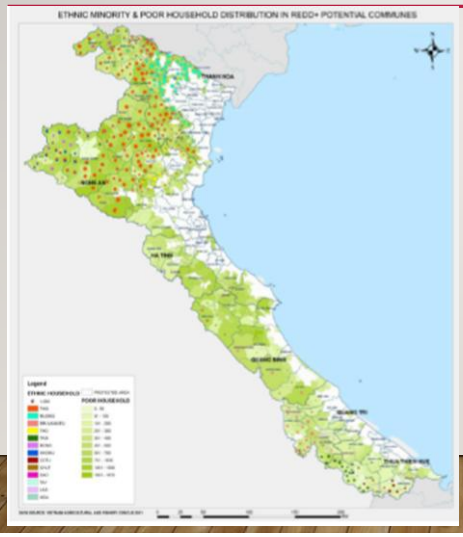

- DTTS là dân số **đa số** ở các xã, huyện **mục tiêu**; với độ che phủ rừng và tỷ lệ đói nghèo **cao**;
- Tỷ lệ dân số dưới chuẩn nghèo quốc gia: **29%** (trong tổng số 11 triệu người)
- 2,8/5,1 triệu ha là đất có rừng; 2,1/2,8 triệu ha là rừng tự nhiên (75%);
- Gần **200,000 ha** được khoán quản lý bảo vệ cho hộ gia đình (gần 10%)
- **60** chủ rừng chính: BQL RĐD, RPH, Công ty LN – là **đầu mối** thực hiện ERP

Các can thiệp tổng thể của ER-P

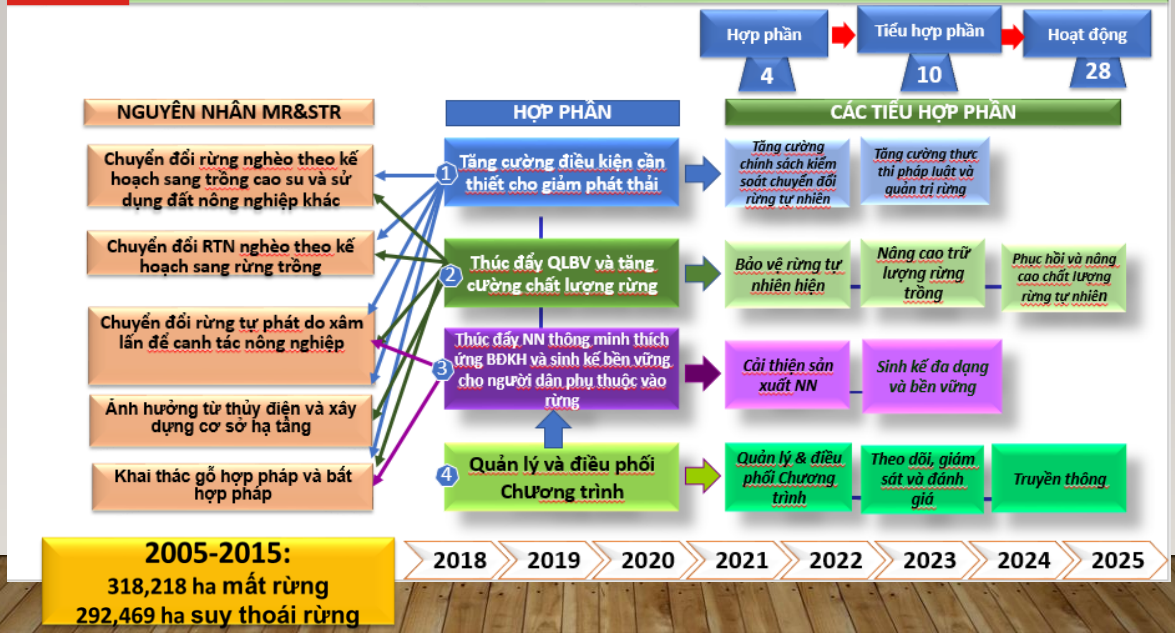

KẾ HOẠCH CHIA SẺ LỢI ÍCH (BSP) QUA TIẾP CẬN PHỐI HỢP QUẢN LÝ RỪNG (ACMA)

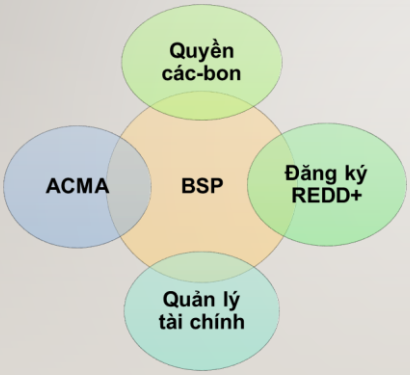

- BSP qua chủ rừng tổ chức: đầu mối **phù hợp** để giải quyết các nguyên nhân mất rừng
- ACMA: tiếp cận có tính **thực tế** tại địa bàn để cộng đồng có vai trò **lớn hơn** trong quản lý TNR -> hộ gia đình và cộng đồng sống dựa vào rừng > ưu tiên cá nhân, hộ, cộng đồng DTTS **thiếu đất** sx
- ACMA: vận hành qua cơ chế **Hội đồng** (QLR) có nhiều bên tham gia
- Cải thiện tiếp cận của cộng đồng đến ĐẤT và TÀI NGUYÊN RỪNG, đảm bảo cộng đồng được HƯỞNG LỢI, ĐẦU TƯ, có ĐỘNG LỰC quản lý TNR bền vững trong phạm vi KIỂM SOÁT của họ.

CÁC VẤN ĐỀ CẦN XEM XÉT THỰC HIỆN BSP/ACMA

Thể chế thực hiện ACMA	Quyền tiếp cận cộng đồng	Lợi ích và rủi ro
Chức năng, thẩm quyền của HĐQLR: chỉ đạo, điều phối, tư vấn, quyết định	Chủ rừng không có nghĩa vụ phải khoán QLBVR cho hộ gđ, cộng đồng	Đáp ứng lợi ích ngắn hạn: lương thực, thực phẩm, chi phí tiêu dùng, học tập
Loại hình HĐQLR (huyện, xã, chủ rừng)	Hạn mức khoán tối ưu (DT, th-gian)	
Đại diện cho cộng đồng, hộ gia đình; Năng lực đại diện và thúc đẩy đáp ứng nhu cầu cộng đồng (đời sống, văn hóa)	Cạnh tranh sử dụng đất/Quỹ đất giao cho hộ gia đình / Kiểm soát mục đích sử dụng đất / DT tối thiểu	Đáp ứng nhu cầu dài hạn: gỗ, đất (định cư, sản xuất)
Khả năng điều tiết các nguồn lực	Tính khả thi của khai thác lâm sản hợp pháp từ RTN và kiểm soát rủi ro	Động lực tham gia (ngoài lợi ích trực tiếp)
Năng lực giám sát và thúc đẩy quản trị tốt/hiệu quả	Tiếp cận nguồn vốn đầu tư dài hạn	Khả năng tiếp nhận của nhóm yếu thế, nhất là hộ nghèo
	Tiếp cận thông tin (kỹ thuật, thị trường, công lý)	

CÂU HỎI THẢO LUẬN NHÓM

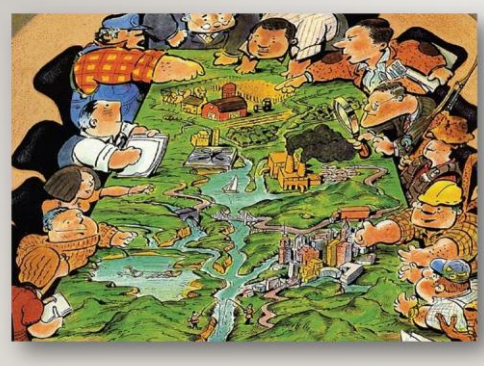

1. HĐQLR, hay hợp tác QLBVR, được xem là cách tiếp cận thực tế, vậy mô hình này phù hợp trong bối cảnh, hoàn cảnh, điều kiện thực tiễn nào của địa phương? *hoặc,* địa bàn như thế nào thì phù hợp cho thành lập HĐQLR?
2. HĐQLR nên thế nào thì mới có thể bảo hộ, thúc đẩy, đảm bảo quyền tiếp cận đất, rừng của hộ gia đình trên thực tiễn? (thành phần/cơ cấu, thẩm quyền, năng lực,…)
3. Làm thế nào để lợi ích (tiền, vật chất, tri thức) đến được cộng đồng tham gia một cách thực tế và có thể duy trì bền vững nhất? Cần cơ chế hoặc công cụ nào hỗ trợ?